BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88/2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2011

THÔNG TƯ
Hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia theo quy định tại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện chương trình, cơ quan quản lý chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 3. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chương trình

Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia được lấy từ nguồn chi cho Chương trình Xúc tiến thương mại - Đầu tư - Du lịch hàng năm.

II. QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 4. Quy định chung về quản lý chi tiêu

1. Các khoản chi phải theo đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và phạm vi hỗ trợ kinh phí cho nội dung chương trình theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với các khoản chi theo quy định phải thực hiện đấu thầu thì áp dụng theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật; Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 131/2007/TT-BTC ngày 05/11/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2007/TT-BTC.

Điều 5. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

1. Đối với nội dung "Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo ngành hàng": Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

- Chi phí mua tư liệu;

- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa của nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này không quá 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

2. Đối với nội dung "Tuyên truyền xuất khẩu":

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, miền ra thị trường nước ngoài: Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng tại nước ngoài để giới thiệu hình ảnh và chỉ dẫn;

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Việt Nam để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Việt Nam theo hợp đồng trọn gói: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng...)

3. Đối với nội dung "Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài":

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành;

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, nhân bản tài liệu tư vấn, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

4. Đối với nội dung "Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại": Hỗ trợ 50% đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã; Hỗ trợ 100% đối với đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại chính phủ và phi Chính phủ; gồm các khoản chi sau:

- Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

- Hoặc học phí trọn gói của khóa học.

5. Đối với nội dung "Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại":

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có);

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 5 Thông tư này không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

b) Tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Việt Nam: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (sau khi trừ các khoản thu từ các hoạt động khai thác khác tại hội chợ triển lãm):

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng).

- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 5 Thông tư này không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

c) Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí theo hợp đồng phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm (sau khi trừ các khoản thu từ các đối tượng không được hưởng hỗ trợ khi tham gia hội chợ triển lãm tại Việt Nam như: doanh nghiệp pháp nhân nước ngoài).

6. Đối với nội dung "Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

- Vé máy bay khứ hồi cho các đơn vị tham gia thực hiện chương trình;

- Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này không quá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

7. Đối với nội dung "Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp": Hỗ trợ 70% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng giao việc, trong phạm vi các khoản chi phí quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 5 của Thông tư này với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

8. Đối với nội dung "Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Các khoản chi nêu trên không vượt quá 0,5% so với giá trị được ký kết với đoàn doanh nghiệp đó.

9. Đối với nội dung " Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

Các khoản chi tổ chức hội nghị: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

10. Đối với nội dung "Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí (nếu chưa tham gia trong chương trình xúc tiến thương mại quốc gia):

- Vé máy bay;

- Công tác phí: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính;

- Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 10 Điều 5 Thông tư này không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/1 doanh nghiệp.

Việc hỗ trợ áp dụng đối với các doanh nghiệp có các mặt hàng xuất khẩu đạt hiệu quả theo tiêu chí và danh sách xét duyệt của Bộ Công thương.

Điều 6. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Đối với nội dung "Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp cho từng địa phương": Hỗ trợ 50% các khoản chi phí sau:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- Chi phí quản lý;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 đơn vị sản xuất, kinh doanh tham gia.

2. Đối với nội dung "Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt": Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển;
- Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này không quá 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

3. Đối với nội dung "Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí mua tư liệu;

- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

4. Đối với nội dung "Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư này không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Đối với nội dung "Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại": Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư này không quá 175.000.000 đồng (một trăm bảy lăm triệu đồng)/1 cụm, điểm quy hoạch.

6. Đối với nội dung "Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm": Hỗ trợ 50% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, trong phạm vi khoản chi phí quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6 của Thông tư này với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

7. Đối với nội dung "Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước": Hỗ trợ 100% các khoản chi:

- Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính.

- Hoặc học phí trọn gói của khoá học.

Điều 7. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với chương trình xúc tiến thương mại miền núi, biên giới và hải đảo

1. Đối với nội dung "Phát triển hệ thống phân phối hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo" và nội

dung "Tổ chức và phát triển hoạt động phân phối hàng Việt sang các khu vực biên giới với các nước có chung biên giới": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí tổ chức bán hàng Việt:

- Chi phí xin giấy phép chính quyền sở tại (tổ chức tại các tỉnh biên giới nước ngoài);

- Chi phí tổ chức bán hàng: thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;

- Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hoá.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

b) Chi phí hành chính phải nộp thực tế cho cơ quan cấp phép để mở văn phòng đại diện tại các tỉnh nước ngoài có biên giới chung với Việt Nam.

2. Đối với nội dung " Xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của Việt Nam và các nước có chung biên giới": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí mua tư liệu;

- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

3. Đối với nội dung "Tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí lập dự án đầu tư, chi phí thiết kế, chi phí các thủ tục hành chính, thẩm tra phê duyệt nhằm xây dựng bến bãi vận tải, giao nhận, tập kết hàng hóa, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu tại các cửa khẩu khu vực biên giới.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư này không quá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng)/1 cụm, điểm quy hoạch.

4. Đối với nội dung "Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí tổ chức giao dịch: Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

5. Đối với nội dung "Các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo": Hỗ trợ 100% các khoản chi:

- Chi phí điều tra, khảo sát, và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành sổ tay, cẩm nang, chuyên đề liên quan tới phát triển thương mại biên giới miền núi và hải đảo;

- Chi phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân vùng biên giới, miền núi và hải đảo về công tác quản lý chợ, khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, miền núi và hải đảo và tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 đơn vị tham gia, đăng ký và nhận thông tin.

6. Đối với nội dung "Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo": Hỗ trợ 100% chi phí bài viết và chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam và các tỉnh biên giới (của Việt Nam và các nước có chung biên giới với Việt Nam).

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 7 Thông tư này không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUY TRÌNH PHÂN BỔ KINH PHÍ, THỦ TỤC TẠM ỨNG, THANH QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA GIÁM SÁT

Điều 8. Tổng hợp và phân bổ dự toán kinh phí

1. Bộ Công thương tổng hợp nhu cầu kế hoạch kinh phí hỗ trợ thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, gửi Bộ Tài chính. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính xem xét tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách hàng năm và báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt.

Sau khi kế hoạch ngân sách được Quốc hội phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện thông báo đến Bộ Công thương tổng mức kinh phí dành cho Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia trong năm.

2. Căn cứ dự toán ngân sách được giao, Bộ Công thương phê duyệt chương trình, phân bổ kinh phí thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia chi tiết theo từng đơn vị chủ trì thực hiện chương trình và nội dung quy định tại Điều 5, 6, 7 của Thông tư này trên nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của chương trình không vượt quá dự toán được phê duyệt. Dự toán được giao cho các đơn vị chủ trì chương trình sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính. Các chủ chương trình mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước để thực hiện giao dịch.

Điều 9. Một số yêu cầu về hợp đồng thực hiện đề án

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và dự toán ngân sách phân bổ cho chủ chương trình đã được Bộ Tài chính thống nhất,

đại diện Bộ Công thương (Cục Xúc tiến thương mại) ký hợp đồng thực hiện đề án với các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình.

Hợp đồng thực hiện đề án là cụ thể hóa các công việc để chủ chương trình thực hiện, trách nhiệm của bên giao và bên nhận việc, làm cơ sở để thanh toán kinh phí hỗ trợ.

2. Hợp đồng thực hiện đề án phải dựa trên các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được ban hành để áp dụng chung cho các chủ chương trình theo: nội dung, quy mô, địa điểm...

3. Hợp đồng thực hiện đề án tối thiểu bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

a) Danh mục chi tiết của từng công việc, bao gồm:

- Khối lượng, số lượng theo tiêu chuẩn, kỹ thuật cụ thể;
- Chất lượng của từng công việc.

b) Số lượng doanh nghiệp, học viên... tham gia chương trình;

c) Địa điểm, thời gian thực hiện;

d) Phương thức giám sát thực hiện và nghiệm thu theo danh mục chi tiết công việc;

đ) Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi; chế tài cụ thể khi không thực hiện đúng nội dung hợp đồng;

e) Các hoạt động khai thác khác bên lề chương trình (bao gồm tất cả các hoạt động của các đơn vị liên quan đến sự kiện chương trình)

- Nội dung;
- Phương thức thực hiện.

Điều 10. Tạm ứng kinh phí để thực hiện chương trình

1. Căn cứ dự toán ngân sách phân bổ cho chủ chương trình đã được Bộ Tài chính có ý kiến thống nhất và hợp đồng thực hiện đề án của Bộ Công thương, đơn vị chủ trì thực hiện chương trình thực hiện tạm ứng kinh phí tại kho bạc nhà nước.

2. Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ của chương trình theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại thông tư này.

3. Mức tạm ứng kinh phí: Căn cứ vào tiến độ thực hiện chương trình và bằng 70% dự toán đã thẩm định.

Điều 11. Thanh, quyết toán kinh phí

1. Đối với chủ chương trình

a) Căn cứ biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện đề án của Bộ Công thương, trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi kết thúc chương trình, chủ chương trình báo cáo thanh toán kinh phí thực hiện chương trình gửi Bộ Công thương thẩm định (bao gồm cả các hoạt động bên lề chương trình);

b) Sau khi nhận đủ hồ sơ, trong phạm vi 20 ngày làm việc, Bộ Công thương lập biên bản thẩm định và thông báo phê duyệt thanh toán kinh phí hỗ trợ cho đơn vị chủ trì thực hiện chương trình (đồng gửi Bộ Tài chính - Cục Tài chính doanh nghiệp);

c) Thông báo phê duyệt thanh toán kinh phí hỗ trợ cho đơn vị chủ trì thực hiện chương trình của Bộ Công thương là cơ sở để Kho bạc nhà nước thanh toán tiếp hoặc thu hồi kinh phí đã tạm ứng thanh toán.

2. Đối với Bộ Công thương

Căn cứ Thông báo phê duyệt thanh toán kinh phí hỗ trợ cho chủ chương trình, chậm nhất vào ngày 31/01 năm sau, Bộ Công thương tổng hợp quyết toán kinh phí chương trình XTTM quốc gia của năm theo đối tượng đơn vị chủ trì thực hiện chương trình, nội dung chương trình và số lượng đơn vị/doanh nghiệp tham gia chương trình; đánh giá tổng thể tình hình thực hiện chương trình XTTM quốc gia gửi Bộ Tài chính.

3. Đối với Bộ Tài chính

Sau khi nhận đủ hồ sơ, trong phạm vi 30 ngày làm việc, Bộ Tài chính thẩm định và tổng hợp chung vào quyết toán Ngân sách nhà nước, đồng thời thông báo cho Bộ Công thương số kinh phí quyết toán trong năm và kinh phí chưa sử dụng hết được chuyển sang sử dụng trong năm tiếp theo.

Điều 12. Chứng từ, hồ sơ thanh toán của chủ chương trình

1. Chứng từ thanh toán

a) Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình có trách nhiệm tập hợp đầy đủ chứng từ chi theo đúng nội dung, thời gian, địa điểm phát sinh và lưu giữ chứng từ gốc. Đối với những nội dung nhà nước hỗ trợ một phần chi phí, chủ chương trình có trách nhiệm huy động đủ nguồn kinh phí để thực hiện;

b) Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của chứng từ, hóa đơn thực hiện. Hợp đồng kinh tế của chủ chương trình với đơn vị cung cấp dịch vụ phải rõ ràng, cụ thể và ghi rõ giá dịch vụ không bao gồm hoa hồng;

c) Mọi phát hiện vi phạm như: chứng từ hóa đơn giả, mua hóa đơn, gửi giá, không kê khai các hoạt động khai thác bên lề chương trình... đều bị xử phạt theo quy định của pháp luật và từ chối thanh toán.

2. Hồ sơ thanh toán tại Kho bạc Nhà nước

a) Hồ sơ tạm ứng kinh phí

- Công văn đề nghị kho bạc nhà nước tạm ứng kinh phí;
- Dự toán ngân sách phân bổ cho chủ chương trình đã được Bộ Tài chính thống nhất bằng văn bản;
- Quyết định phê duyệt chương trình và hợp đồng thực hiện đề án;
- Các hóa đơn, chứng từ, hợp đồng kinh tế...

b) Hồ sơ thanh toán kinh phí

- Công văn đề nghị kho bạc nhà nước thanh toán kinh phí;
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện đề án;
- Thông báo phê duyệt thanh toán của Bộ Công thương;
- Các hóa đơn, chứng từ, hợp đồng kinh tế...

Điều 13. Kiểm tra giám sát

1. Chủ chương trình và Bộ Công thương có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu và chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ của các cơ quan quản lý theo chức năng quy định.

2. Trường hợp phát sinh các khoản kinh phí phải thu hồi qua kiểm tra của các cơ quan chức năng, Bộ Công thương có trách nhiệm yêu cầu đơn vị chủ trì chương trình hoàn trả ngân sách nhà nước và báo cáo về Bộ Tài chính kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2011.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên quan phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu